TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 07 - 8 - 2019
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Trinh Văn Hùng.

Bà Lê Thị Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2018/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc xin ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 156/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Đức T, sinh năm 1944; nơi cư trú tại Số B HHT, Phường Y, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1956; nơi cư trú tại Số O NT, Phường K, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H: Luật sư Lê Cao T – Văn phòng Luật sư BT - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết H – Bị đơn

(ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà H và Luật sư có mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Đặng Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Ông và bà H đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố ĐL. Hôn nhân tự nguyện và không có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, cả hai sống chung tài nhà riêng của bà H tại Số F HD, Phường H, thành phố ĐL. Cuộc sống chung hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do trước đây khi đến với nhau, ông T và bà H ai cũng có gia đình riêng, khi về chung sống với bà H thì ông T sống chung với con riêng của bà H cuộc sống chung giữa hai người bị gò bó về tinh thần. Năm 2016, ông đã làm đơn ra Tòa xin ly hôn với bà H nhưng Tòa án bác đơn của ông. Hiện ông và bà H đã sống ly thân. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H nên ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn.

Về con chung: Ông xác định giữa ông với bà H không có con chung.

Về tài sản chung: Ông xác định giữa ông với bà H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Bà thừa nhận việc kết hôn và chung sống với nhau đúng như lời trình bày của ông T. Sau khi kết hôn cả hai chung sống tại nhà riêng của bà, một thời gian thì chuyển về tạm trú tại Số O NT, Phường K, thành phố ĐL. Đến 2016 ông T đưa đơn xin ly hôn với bà nhưng đơn xin ly hôn của ông T đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bác đơn. Từ khi Tòa bác đơn ly hôn của ông T thì cuộc sống cả hai vẫn yên ổn, bà vẫn hay qua lại với ông T, vẫn mang thức ăn cho ông T. Nhưng đến tháng 01/2019 ông T dọn ở trọ chỗ khác không cho bà biết. Nay ông T làm đơn xin ly hôn với bà thì bà không đồng ý vì bà còn yêu thương ông T.

Về con chung: Bà xác định giữa bà và ông T không có con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định giữa bà và ông T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông T không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Đức T; cho ông Đặng Đức T và bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 29/5/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H có đơn kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử *(sau đây viết là HĐXX)* công bố nội dung đơn của ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông T. Vì lý do tuổi tác hai người đã cao, bên cạnh đó còn vấn đề dư luận xã hội sẽ ảnh hưởng không tốt đến nghề nghiệp và danh dự của bà trong gia đình, con cái của bà.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà H trình bày luận cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H bác đơn khởi kiện của ông T vì giữa hai người không có xãy ra mâu thuẩn trầm trọng như lời nguyên đơn ông T trình bày để vợ chồng đoàn tụ nương tựa nhau lúc tuổi già.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong gia đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Đồng thời trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H HĐXX xét thấy, ông T bà H đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND Phường H thành phố ĐL, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trước khi đăng ký kết hôn hai người đều đã có gia đình riêng và đều có con riêng. Bà H và ông T về chung sống với 01 con riêng của bà H tại nhà bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày bà không biết ông T có con và vợ đã ly hôn hiện sống ở đâu điều đó cho thấy trước khi kết hôn 02 người không có thời gian tìm hiểu kỹ về nhau.

Sau một thời gian sống chung giữa hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, theo ông T thì nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống giữa ông và con riêng của bà H khi hai người chung sống trong căn nhà của bà H, từ đó ông T cảm thấy quan hệ tình cảm giữa ông và bà H bị áp lực về tinh thần nên vào năm 2016 ông làm đơn xin ly hôn với bà H nhưng yêu cầu xin ly hôn của ông đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bác đơn. Thực tế sau khi Tòa án bác đơn xin ly hôn nhưng quan hệ tình cảm giữa hai người vẫn không được cải thiện, đầu năm 2019 ông T tự ý thuê nhà trọ sống một mình, từ đó quan hệ vợ chồng tự chấm dứt nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và có yêu cầu xin ly hôn với bà H. Về phía bà H không đồng ý ly hôn với ông T và cho rằng vẫn còn yêu thương ông T yêu cầu được đoàn tụ gia đình, trong đơn kháng cáo bà trình bày bà và ông T cần có nhau để nương tựa, chăm sóc cho nhau nhất là những lúc ốm đau, bởi vì các con đã có gia đình riêng, nhưng trên thực tế quan hệ tình cảm giữa bà và ông T vẫn còn tồn tại nhiều mâu thuẩn, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bà không chứng minh được sự quan tâm chăm sóc và tình thương gắn

bó trong quan hệ vợ chồng giữa bà với ông T. Sau khi Tòa án bác đơn xin ly hôn của ông T giữa bà và ông T tiếp tục đời sống chung nhưng bà không chủ động khắc phục những bất đồng trong gia đình dẫn đến việc ông T phải tự ý chấm dứt đời sống chung và thuê nhà trọ để sinh sống, hai người đều không có thiện chí kéo dài cuộc sống chung nên lý do nương tựa nhau là không thể thực hiện được. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân thành phố Đà Lạt cho ông T được ly hôn với bà H do đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Do vậy không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người có kháng cáo phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên trường hợp của bà H sinh năm 1956 là đối tượng người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi nên cần áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX phúc thẩm miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm cho bị đơn bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H đối với nguyên đơn ông Đặng Đức T.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Đặng Đức T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H.

1. Về tình cảm:

Cho ông Đặng Đức T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết H.

2. Về con chung:

Các đương sự xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Các đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn cho ông Đặng Đức T.

4.2. Miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Tuyết H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND tp Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (02);
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng